

KẾT QUẢ ĐÀO TẠO NGÀNH Y SINH HỌC THỂ DỤC THỂ THAO, TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Trương Đức Thăng*

Tóm tắt:

Thực hiện đổi mới nâng cao hiệu quả của chương trình đào tạo ngành y sinh học TDTT đề tài tiến hành tìm hiểu thực trạng kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên, tỷ lệ tốt nghiệp và kết quả việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên ngành y sinh học TDTT.

Từ khóa: Y sinh học, Chương trình đào tạo, Sinh viên, Đại học TDTT Bắc Ninh.

Training achievement reality of Department of Biomedicine and Sports at Bac Ninh Sports University

Summary:

Carrying the innovation and improvement of the effectiveness of training program for the Department of Biomedicine and Sports, the subject has clarified the real situation of studying and training results of the students and their working achievements after graduation.

Keywords: Biomedicine, training program, students, Bac Ninh Sports University

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học TDTT Bắc Ninh chính thức đào tạo chuyên ngành y học TDTT từ năm 1976 với 3 lớp tương ứng với 3 khóa đào tạo: Y học 12, Y học 13, Y học 14. Sinh viên các khóa ra trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp TDTT của đất nước, nhiều sinh viên đã trưởng thành và giữ các chức vụ cao trong ngành. Để đáp ứng nhu cầu phát triển sự nghiệp TDTT trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào Tạo, Bộ văn hóa, Thể Thao và Du Lịch, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh đã thành lập Khoa Y học TDTT theo Quyết định số 393/QĐ-ĐHI-TC ngày 14 tháng 9 năm 2007, với nhiệm vụ đào tạo cán bộ y sinh học TDTT phục vụ cho ngành TDTT. Đến nay đã có năm khóa sinh viên tốt nghiệp, bổ xung cho lực lượng cán bộ y sinh học TDTT thực hiện nhiệm vụ tại các trung tâm huấn luyện TDTT, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo cán bộ TDTT, các trung tâm chăm sóc sức khỏe cho người tập luyện TDTT... Để nâng cao chất lượng đào tạo của ngành y sinh học TDTT cần thiết phải tiến hành nghiên cứu và đánh giá sâu về kết quả đào tạo và chất lượng sinh viên của Ngành sau khi ra trường, làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp đổi mới chương trình đào tạo.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên ngành y sinh học TDTT đang trực tiếp tham gia công tác đào tạo

Để phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả đào tạo ngành y sinh học TDTT, bằng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu, chúng tôi đã tiến hành đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên ngành y sinh học TDTT tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Kết quả được trình bày ở bảng 1.

Kết quả bảng 1 cho thấy: Tổng số giảng viên trực tiếp tham gia công tác đào tạo có 01 Giáo sư chiếm tỷ lệ 6.25%; 01 Phó giáo sư, chiếm tỷ lệ 6.25%; 03 Tiến sỹ, chiếm tỷ lệ 18.75%; 13 Thạc sỹ, chiếm tỷ lệ 81.25%; trong đó có 03 Bác sỹ, chiếm tỷ lệ 18.5%. Về thâm niên công tác trên mười năm là 8 giảng viên, chiếm tỷ lệ 50%. Như vậy, số lượng cán bộ quản lý và giảng viên có trình độ và thâm niên công tác tốt, hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu của công tác đào tạo cán bộ y sinh học TDTT.

*ThS, Phó Trưởng Khoa Y học TDTT, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh



Chăm sóc sức khỏe cho VĐV là công việc quan trọng giúp nâng cao hiệu quả huấn luyện và thành tích VĐV (Ảnh nguồn <http://thanhnien.vn>)

2. Thực trạng kết quả đào tạo cử nhân ngành Y sinh học thể dục thể thao các khóa đã tốt nghiệp

2.1. Thực trạng kết quả học tập của sinh viên các khóa đã tốt nghiệp

Đề tài tiến hành thống kê kết quả học tập theo

Bảng 1. Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý giảng viên ngành y sinh học TDTT

TT	Tiêu chí đánh giá	Kết quả	
		m _i	%
Trình độ chuyên môn			
1	Giáo Sư	1	6.25
2	Phó Giáo Sư	1	6.25
3	Tiến sỹ	3	18.75
4	Thạc sỹ	13	81.25
5	Cử nhân	0	0
Thâm niên công tác			
6	Dưới mười năm công tác	8	50.00
7	Trên mười năm công tác	8	50.00

từng năm học của sinh viên các khóa đã ra trường. Kết quả học tập được phân tích theo số lượng sinh viên và tỷ lệ % toàn khóa theo từng năm học với 5 mức, kết quả học tập được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng kết quả học tập của sinh viên các khóa đã tốt nghiệp

TT	Khóa ĐH	Năm học	Xuất sắc		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Tổng số
			m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	
1	ĐH 43	Năm 1			5	12.5	17	41.5	19	46			41
		Năm 2			4	9.8	13	31.7	24	58.5			41
		Năm 3			13	31.7	9	21.9	19	46.4			41
		Năm 4	2	4.9	17	41.5	14	34.1	8	19.5			41
		Toàn khóa			14	34.2	25	60.9	2	4.9			41
2	ĐH 44	Năm 1	3	8.6	11	31.4	10	28.6	11	31.4			35
		Năm 2	1	2.9	6	17.1	14	40	14	40			35
		Năm 3	3	8.6	17	48.6	14	40	1	2.8			35
		Năm 4	6	17.1	17	48.6	9	25.7	3	8.6			35
		Toàn khóa	2	5.7	17	48.6	15	42.9	1	2.8			35
3	ĐH 45	Năm 1			3	18.7	8	50	5	31.3			16
		Năm 2			4	25	12	75					16
		Năm 3	2	12.5	11	68.8	3	18.7					16
		Năm 4	6	37.5	6	37.5	4	25					16
		Toàn khóa			11	68.8	5	31.2					16
4	ĐH 46	Năm 1			2	18.1	9	81.9					11
		Năm 2	1	9.09	7	63.6	3	27.3					11
		Năm 3	3	27.4	4	36.3	4	36.3					11
		Năm 4	3	27.3	4	36.3	4	36.3					11
		Toàn khóa			7	63.6	4	36.4					11
5	ĐH 47	Năm 1			3	18.8	9	56.2	4	25			16
		Năm 2			7	43.8	7	43.8	2	12.2			16
		Năm 3	5	31.3	8	50	3	18.7					16
		Năm 4	4	25	4	25	6	37.5	1	6.25	1	6.25	16
		Toàn khóa	1	6.25	6	37.5	8	50	1	6.25			16

Qua bảng 2 cho thấy, kết quả học tập đạt được rất cao với tỷ lệ xuất sắc, giỏi và khá trên 96%, chỉ có 3.37% sinh viên có bằng tốt nghiệp loại trung bình. Kết quả học tập của sinh viên các khóa có sự khác biệt như: Khóa 44 có 2 sinh viên và khóa 47 có 01 sinh viên đạt loại xuất sắc, các khóa khác không có sinh viên xếp hạng này.

Bảng 3. Thực trạng kết quả rèn luyện của sinh viên các khóa đã tốt nghiệp

TT	Khóa ĐH	Năm học	Xuất sắc		Giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Tổng số
			m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%	
1	ĐH 43	Năm 1	14	31.14	26	63.41	1	2.43					41
		Năm 2	16	39.02	20	48.78	5	12.19					41
		Năm 3	12	29.26	16	39.02	20	48.78	3	7.31			41
		Năm 4	8	19.51	10	27.39	12	29.26	11	26.82			41
		Toàn khóa	6	14.63	26	63.41	9	21.95					41
2	ĐH 44	Năm 1	8	22.85	20	57.14	5	14.28	2	5.71			35
		Năm 2	10	28.57	22	62.85	3	8.57					35
		Năm 3	6	17.14	18	51.43	6	17.14	5	14.29			35
		Năm 4	4	11.42	16	45.71	6	17.14	9	25.71			35
		Toàn khóa	6	17.14	18	51.43	11	31.42					35
3	ĐH 45	Năm 1	1	6.25	5	31.25	8	50	2	12.5			16
		Năm 2	3	18.75	7	43.75	5	31.25	1	6.25			16
		Năm 3	1	6.25	7	44	5	31.25	3	18.75			16
		Năm 4	2	12.5	5	31.25	7	43.75	2	12.5			16
		Toàn khóa	2	12.5	8	50	6	37.5					16
4	ĐH 46	Năm 1			9	81.81	2	18.18					11
		Năm 2			7	63.63	3	27.27	1	9.09			11
		Năm 3	1	9.09	3	27.27	4	36.36	3	27.27			11
		Năm 4	1	9.09	4	36.36	3	27.27	3	27.27			11
		Toàn khóa	1	9.09	5	45.45	5	45.45					11
5	ĐH 47	Năm 1	1	6.25	5	31.25	8	50	2	12.5			16
		Năm 2			9	50.25	6	37.5	1	6.25			16
		Năm 3	1	6.25	10	62.5	4	25	1	6.25			16
		Năm 4			8	50	7	43.75	1	6.25			16
		Toàn khóa	1	6.25	8	50	6	37.5	1	6.25			16

Kết quả bảng 3 cho thấy: Có 05 khóa đã ra trường với 119 sinh viên tốt nghiệp có điểm rèn luyện như sau:

- 16 Sinh viên tốt nghiệp xếp loại rèn luyện xuất sắc, chiếm 13.44%;
- 65 Sinh viên tốt nghiệp xếp loại rèn luyện giỏi, chiếm 54.62%;
- 37 Sinh viên tốt nghiệp xếp loại rèn luyện khá, chiếm 31.09%;
- 01 Sinh viên tốt nghiệp xếp loại rèn luyện trung bình, chiếm 0.85%.

Kết quả trên đã cho thấy, kết quả rèn luyện của sinh viên ngành y sinh học TĐTT đã ra trường đạt kết quả cao, tỷ lệ xuất sắc, giỏi và khá chiếm trên 99% và chỉ có 01 sinh viên xếp loại trung bình.

2.2. Thực trạng kết quả rèn luyện của sinh viên các khóa đã ra trường

Tiếp theo, chúng tôi tiến hành thống kê kết quả điểm rèn luyện của sinh viên các khóa học đã ra trường theo kết quả tổng năm học và toàn khóa. Kết quả được trình bày tại bảng 3.

2.3. Thực trạng tỷ lệ tốt nghiệp của sinh viên các khóa đã ra trường

Tiếp theo đề tài tiến hành thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của khoa Y Sinh học TĐTT theo các khóa. Kết quả thống kê được trình bày cụ thể tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy tỷ lệ sinh viên chưa được tốt nghiệp so với các bạn cùng khóa là 17 sinh viên, chiếm tỷ lệ 12.5%. Số lượng sinh viên không tốt nghiệp so với đầu vào của các khóa dao động từ 2 – 4 sinh viên, đây là số liệu tham khảo cho việc xác định số lượng chỉ tiêu hàng năm cho các khóa sau này cho chương trình đổi mới.

Bảng 4. Thực trạng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với đầu vào từng khóa của Ngành Y sinh học TDDT

TT	Khóa ĐH	Số lượng SV không TN		Số lượng sinh viên đã tốt nghiệp										Tổng số
				Xuất sắc		Giỏi		Khá		TB khá		TB		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	ĐH 43	3	6.8			14	32	25	61	2	5			44
2	ĐH 44	4	10	2	6	17	48	15	43	1	3			39
3	ĐH 45	2	11			11	69	5	31					18
4	ĐH 46	4	27			7	67	4	33					15
5	ĐH 47	4	20	1	6	6	40	8	54					19
Tổng xếp loại		17	12.5	3	2.5	55	46.7	57	48.3	3	2.5			135

Đồng thời, trong 05 khóa đã ra trường với 119 sinh viên tốt nghiệp, trong đó: 03 Sinh viên tốt nghiệp xếp loại xuất sắc, chiếm tỉ lệ 2.52%; 55 Sinh viên tốt nghiệp xếp loại giỏi, chiếm tỉ lệ 46.22%; 57 Sinh viên tốt nghiệp xếp loại khá, chiếm tỉ lệ 47.89%; 04 Sinh viên tốt nghiệp xếp loại trung bình, chiếm tỉ lệ 3.37%.

2.4. Thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành y sinh học TDDT

Nhằm thu thập thông tin về việc làm của sinh viên ngành y sinh học TDDT sau khi tốt nghiệp chúng tôi tiến hành phỏng vấn trực tiếp đối với các sinh viên đã ra trường, kết quả được trình bày ở bảng 5.

Bảng 5. Thực trạng việc làm sau khi ra trường của sinh viên ngành y sinh học TDDT

Khóa tốt nghiệp	Số SV tốt nghiệp	Có việc làm								Không có việc làm		Học thêm sau TN	
		Đúng ngành		Ngành gần		Không đúng ngành		Tổng cộng		SL	%	SL	%
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%				
ĐH 43	41	18	43.9	3	7.31	7	17.07	28	68.29	13	31.7	9	21.95
ĐH 44	35	3	9.1	13	39.3	17	51.5	33	94.2			2	5.7
ĐH 45	16	2	12.5	3	18.75	9	56.25	14	87.5	3	13.75	3	18.75
ĐH 46	11	2	18.18	4	36.36	3	27.27	9	81.81	2	18.18	3	27.27
ĐH 47	16	2	13.33	1	6.67	11	73.33	14	93.33	1	6.67	4	26.6
Tổng	119	27	22.88	24	20.33	47	39.83	98	83.05	19	16.1	21	17.79

Kết quả bảng 5 cho thấy: Số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc là 98, chiếm 83.05 %; Số lượng làm đúng ngành đào tạo là 27, chiếm 22.88 %; Số lượng làm gần ngành đào tạo là 24, chiếm 20.33 %; Số lượng làm không đúng ngành đào tạo là 47, chiếm 39.83%.

Từ kết quả trên cho thấy: Khóa 43 là khóa đầu tiên có sinh viên làm đúng ngành đào tạo là 18, chiếm 43,90%. Tỷ lệ này cao hơn hẳn so với các khóa khác như: Khóa 44 có 3 sinh viên, chiếm tỷ lệ 9,1%; khóa 45 có 2 sinh viên chiếm 13,33%.

KẾT LUẬN

Kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên ngành Y sinh học TDDT đã tốt nghiệp đạt kết quả tốt. Kết quả này là điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong việc tìm kiếm việc làm và tiếp cận với công việc một cách tốt nhất.

Sinh viên ngành Y sinh học TDDT ra trường có việc làm đạt tỷ lệ cao chiếm 83,05%, trong đó 22.88 % có việc làm đúng ngành đào tạo. Kết quả này phản ánh nhu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực cán bộ Y sinh học TDDT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phương Nga (2000), “Kết quả điều tra khảo sát chất lượng đào tạo tại một số trường đại học”, *Đề tài NCKH cấp cơ sở, Đại học quốc gia, Hà Nội*.
2. Lê Đức Ngọc (1996), *Kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy đại học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. Trường Đại học TDDT Bắc Ninh (2014), “Kết quả điều tra tình trạng việc làm của sinh viên sau khi ra trường”, *Tài liệu lưu hành nội bộ*.